

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 23/2014/TT-BKHCN

Hà Nội, ngày 19 tháng 9 năm 2014

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: ...C...
	Ngày: 28/10/...

THÔNG TƯ

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 10/2014/TT-BKHCN

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ	
ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	
quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ	
Khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước	
Giờ ... C ...	Ngày ... 28/10 ...
Kính chuyển: ... TT ... Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;	

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 10/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây gọi tắt là Thông tư số 10/2014/TT-BKHCN).

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2014/TT-BKHCN:

1. Sửa đổi Khoản 9 Điều 5 như sau:

“9. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định pháp luật phải có vốn đối ứng: Văn bản pháp lý cam kết và giải trình khả năng huy động vốn từ các nguồn ngoài ngân sách nhà nước (báo cáo tài chính của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong 02 năm gần nhất tính từ thời điểm nộp hồ sơ đăng ký thực hiện nhiệm vụ; cam kết cho vay vốn hoặc bảo lãnh vay vốn của các tổ chức tín dụng; cam kết pháp lý và giấy tờ xác nhận về việc đóng góp vốn của tổ chức chủ trì và các tổ chức tham gia dự án).”

2. Sửa đổi Khoản 5 Điều 8 như sau:

“5. Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ (sau đây gọi là tổ thẩm định) có 03 thành viên, trong đó:

a) Tổ trưởng tổ thẩm định là lãnh đạo đơn vị quản lý nhiệm vụ thuộc Bộ chủ trì nhiệm vụ;

b) Tổ phó tổ thẩm định là đại diện đơn vị quản lý kinh phí của Bộ chủ trì nhiệm vụ;

c) 01 thành viên là chủ tịch hoặc phó chủ tịch hoặc chuyên gia phản biện của hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Đại diện đơn vị tổng hợp kế hoạch khoa học và công nghệ của Bộ chủ trì nhiệm vụ không phải là thành viên Tổ thẩm định nhưng được quyền tham dự toàn bộ cuộc họp của Tổ thẩm định. Ngoài ra, theo yêu cầu thực tiễn, Tổ trưởng Tổ thẩm định có thể mời thêm đại diện các tổ chức, đơn vị và cá nhân khác có liên quan tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp của Tổ thẩm định.”

3. Sửa đổi Điều 12 như sau:

“Điều 12. Đánh giá hồ sơ tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Đánh giá hồ sơ tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được đánh giá, chấm điểm tối đa 100 điểm theo các nhóm tiêu chí và thang điểm sau:

1. Đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ:

a) Đánh giá tổng quan (điểm tối đa 8);

b) Nội dung, phương pháp nghiên cứu và kỹ thuật sử dụng (điểm tối đa 24);

c) Tính mới, tính đủ của sản phẩm khoa học và công nghệ (điểm tối đa 16);

d) Phương án chuyển giao ứng dụng các sản phẩm và phương án tổ chức để triển khai ứng dụng sản phẩm (điểm tối đa 16);

đ) Tính khả thi về kế hoạch và kinh phí thực hiện (điểm tối đa 20);

e) Năng lực của tổ chức và các cá nhân tham gia (điểm tối đa 16).

2. Đề tài nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn và đề án khoa học

a) Tổng quan tình hình nghiên cứu (điểm tối đa 12);

b) Nội dung và hoạt động hỗ trợ nghiên cứu (điểm tối đa 12);

c) Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu (điểm tối đa 12);

- d) Tính khả thi về kế hoạch và kinh phí thực hiện (điểm tối đa 20);
 - đ) Tính mới của sản phẩm, lợi ích kết quả của đề tài và phương án chuyển giao sản phẩm, kết quả nghiên cứu (điểm tối đa 24);
 - e) Năng lực và kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân thực hiện (điểm tối đa 20).
3. Đề tài trong các lĩnh vực khác, tùy thuộc vào nội dung nghiên cứu áp dụng tiêu chí và thang điểm quy định tại Khoản 1 hoặc Khoản 2 của Điều này.
4. Dự án sản xuất thử nghiệm:
- a) Tổng quan về các vấn đề công nghệ và thị trường của dự án (điểm tối đa 8);
 - b) Nội dung và phương án triển khai (điểm tối đa 24);
 - c) Tính mới và tính khả thi của công nghệ (điểm tối đa 12);
 - d) Khả năng phát triển và hiệu quả kinh tế-xã hội dự kiến của dự án (điểm tối đa 16);
 - đ) Phương án tài chính (điểm tối đa 24);
 - e) Năng lực thực hiện (điểm tối đa 16)”

4. Sửa đổi điểm a, khoản 1 Điều 13 như sau:

“a) Phải có mặt đủ 03 thành viên Tổ thẩm định.”

5. Sửa đổi khoản 3 Điều 13 như sau:

“3. Tổ thẩm định có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản cho Bộ trưởng Bộ chủ trì nhiệm vụ và đề xuất phương án xử lý những vấn đề quá thẩm quyền giải quyết phát sinh trong quá trình xem xét hồ sơ nhiệm vụ khoa học và công nghệ để Bộ trưởng Bộ chủ trì nhiệm vụ xem xét quyết định trong các trường hợp sau:

a) Thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được chỉnh sửa sau khi họp Hội đồng có sự thay đổi về mục tiêu, nội dung so với quyết định danh mục đặt hàng đã được phê duyệt hoặc kết luận của hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp;

b) Không thống nhất ý kiến giữa Tổ thẩm định và chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ về kinh phí thực hiện;

c) Thành viên Tổ thẩm định không nhất trí với kết luận chung của Tổ thẩm định và đề nghị bảo lưu ý kiến.”

6. Bổ sung khoản 7 Điều 14 như sau:

“7. Sau khi Tổ thẩm định có ý kiến kết luận, Chủ nhiệm nhiệm vụ được

mời tham dự lại cuộc họp của Tổ thẩm định để nghe thông báo về kết luận của Tổ thẩm định. Chủ nhiệm nhiệm vụ có quyền nêu ý kiến nếu không đồng ý với kết luận của Tổ thẩm định và Tổ thẩm định có trách nhiệm báo cáo lại Bộ trưởng Bộ chủ trì nhiệm vụ.”

7. Thay thế Biểu mẫu tại Phụ lục II kèm theo Thông tư số 10/2014/TT-BKHCN bằng Biểu mẫu áp dụng cho việc đánh giá hồ sơ tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia tại Phụ lục II kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 11 năm 2014.

2. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu, sửa đổi bổ sung./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Lưu: VT, PC.



Phụ lục II
BIỂU MẪU ÁP DỤNG CHO VIỆC ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ
TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA
(Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2014/TT-BKHCN
ngày 19 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

1. B2-1-BBHS: Biên bản mở hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia.
2. B2-2a-NXĐTCN: Phiếu nhận xét đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ.
3. B2-2b-NXĐTXH/NXĐA: Phiếu nhận xét đề tài nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn hoặc dự án khoa học.
4. B2-2c-NXDA: Phiếu nhận xét dự án sản xuất thử nghiệm.
5. B2-3a-ĐGĐTCN: Phiếu đánh giá chấm điểm đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ.
6. B2-3b-ĐGĐTXH: Phiếu đánh giá chấm điểm đề tài nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn.
7. B2-3c-ĐGDA: Phiếu đánh giá chấm điểm dự án sản xuất thử nghiệm.
8. B2-4-KPĐG: Biên bản kiểm phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia.
9. B2-5-THKP: Bảng tổng hợp kiểm phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia.
10. B2-6-BBHD: Biên bản họp hội đồng đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia.
11. B2-7-GUQ: Giấy ủy quyền.

BỘ CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN
HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN TUYỂN
CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC,
CÁ NHÂN CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ
KH&CN CẤP QUỐC GIA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

**BIÊN BẢN MỞ HỒ SƠ
ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC
VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN CẤP QUỐC GIA**

1. Tên nhiệm vụ KH&CN:

.....
.....

2. Địa điểm và thời gian:

....., ngày/...../20...

3. Đại diện các cơ quan và tổ chức liên quan tham gia mở hồ sơ:

TT	Tên cơ quan, tổ chức	Họ và tên đại biểu

4. Tình trạng của các hồ sơ:

- Tổng số hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp chủ trì nhiệm vụ KH&CN: hồ sơ.

- Số hồ sơ được niêm phong kín đến thời điểm mở hồ sơ: / (tổng số hồ sơ đăng ký).

- Tình trạng của các hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp được thể hiện trong bảng sau:

TT	Tên tổ chức, cá nhân đăng ký tuyển chọn hoặc giao trực tiếp	Tình trạng Hồ sơ						
		Nộp đúng hạn ¹	Tính đầy đủ của Hồ sơ đăng ký ²	Tư cách pháp nhân	Có nhiệm vụ cấp Quốc gia ⁴			
					Đang chủ trì nhiệm vụ (chưa nghiệm thu) ³	Nợ thu hỏi DA SXTN, DA CGCN ⁵	Bị đình chỉ do sai phạm hoặc không ứng dụng kết quả theo HĐ ⁶	Hết thời hạn hợp đồng quá 30 ngày chưa nghiệm thu ⁷
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

Kết luận: Như vậy, trong số hồ sơ đăng ký, có hồ sơ hợp lệ, đủ điều kiện để đưa vào xem xét đánh giá, cụ thể như sau:

TT	Tên tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì đề tài/đề án/dự án SXTN	Ghi chú
(1)	(2)	(3)
1		
2		

Các bên thống nhất và ký vào biên bản mở hồ sơ vào h.....phút, ngày
...../...../20....

ĐẠI DIỆN
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NỘP HỒ SƠ
(Họ, tên và chữ ký)

ĐẠI DIỆN
BỘ CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN
(Họ, tên và chữ ký)

¹ Những Hồ sơ nộp quá hạn sẽ được thống kê vào biểu này nhưng không mở;

² Hồ sơ gồm đầy đủ các loại tài liệu được quy định tại Điều 5 của Thông tư;

^{3,5} Tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ;

⁴ Nhiệm vụ cấp Quốc gia gồm: đề tài, đề án, dự án SXTN, nhiệm vụ Nghị định thư, Dự án CGCN, NCCB;

⁶ Nếu vi phạm, không được tham gia tuyển chọn trong 03 năm, tính từ thời điểm có Kết luận của Hội đồng đánh giá nghiệm thu hoặc có Quyết định đình chỉ của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

⁷ Tổ chức vi phạm, không được tham gia tuyển chọn trong 01 năm; Cá nhân vi phạm, không được tham gia tuyển chọn trong 02 năm.

**PHIẾU NHẬN XÉT
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ**

Chuyên gia/Ủy viên phản biện	
Ủy viên hội đồng	

Họ và tên chuyên gia:

1. Tên đề tài:	
2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì:	
<i>Tên tổ chức:</i>	
<i>Họ và tên cá nhân:</i>	

Tiêu chí đánh giá	Nhận xét của chuyên gia				
	4	3	2	1	0
1. Đánh giá tổng quan [Mục 15, 16]					
- Tính khoa học và thực tiễn trong việc luận giải cụ thể hóa mục tiêu và nội dung nghiên cứu của đề tài đáp ứng được yêu cầu đặt hàng và làm rõ được sự cần thiết phải nghiên cứu	☐	☐	☐	☐	☐
- Tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước (mức độ phân tích và cập nhật đầy đủ)	☐	☐	☐	☐	☐
<i>Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 1:</i>					
2. Nội dung, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng [Mục 17, 18]					
- Các nội dung nghiên cứu phù hợp để đạt được mục tiêu và yêu cầu đặt hàng	☐	☐	☐	☐	☐
- Phương pháp nghiên cứu phù hợp với các nội dung nghiên cứu đề ra	☐	☐	☐	☐	☐
- Kỹ thuật sử dụng trong nghiên cứu	☐	☐	☐	☐	☐
<i>Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 2:</i>					
3. Tính mới, tính đủ của sản phẩm khoa học và công nghệ [Mục 22]					
- Đáp ứng được yêu cầu đặt hàng (định lượng và định tính)	☐	☐	☐	☐	☐
- Khả thi khi đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ	☐	☐	☐	☐	☐
- Khả năng được công bố trên các tạp chí KH&CN uy tín trong/ngoài nước	☐	☐	☐	☐	☐
- Đào tạo sau đại học	☐	☐	☐	☐	☐
<i>Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 3:</i>					

4. Phương án chuyên giao ứng dụng các sản phẩm và phương án tổ chức để triển khai ứng dụng sản phẩm [Mục 23, 24, 25]	
- Khả năng thị trường của sản phẩm, công nghệ tạo ra.	
- Phương án chuyên giao kết quả nghiên cứu cho cơ quan đề xuất đặt hàng, cơ quan/tổ chức ứng dụng.	
Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 4:	
5. Tính khả thi về kế hoạch và kinh phí thực hiện [Mục 19, 20, 21, phần V và giải trình các khoản chi của dự toán]	
- Tính hợp lý và khả thi của phương án phối hợp và tính hợp lý trong bố trí kế hoạch.	
- Dự toán phù hợp với nội dung, sản phẩm dự kiến tạo ra của đề tài và định mức các khoản chi theo quy định hiện hành.	
Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 5:	
6. Năng lực tổ chức và cá nhân tham gia [Hồ sơ năng lực của tổ chức và lý lịch khoa học của cá nhân tham gia]	
- Cơ quan chủ trì đề tài và tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài (năng lực và cơ sở trang thiết bị).	
- Năng lực và thành tích nghiên cứu của chủ trì và của các thành viên tham gia nghiên cứu.	
Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 6:	
Ý kiến đánh giá tổng hợp	

Ghi chú: Điểm nhận xét của chuyên gia theo thang điểm:

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

Kiến nghị của chuyên gia: (đánh dấu X)

☐

1. Đề nghị thực hiện:

1.1 Khoản đến sản phẩm cuối cùng

☐

1.2 Khoản từng phần

☐
☐

2. Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.

☐

3. Không thực hiện (có kết quả đánh giá tổng hợp là “Kém” hoặc “Rất kém”).

Nhận xét, giải thích cho kiến nghị trên:

Ngày.....tháng.....năm 20...
(Chuyên gia đánh giá ký, ghi rõ họ tên)

**PHIẾU NHẬN XÉT
ĐỀ TÀI KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN
HOẶC ĐỀ ÁN KHOA HỌC CẤP QUỐC GIA**

Chuyên gia/Ủy viên phản biện	
Ủy viên hội đồng	

Họ và tên chuyên gia:

1. Tên đề tài:	
2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì:	
Tên tổ chức:	
Họ và tên cá nhân:	

Tiêu chí đánh giá	Nhận xét của chuyên gia				
	4	3	2	1	0
1. Tổng quan tình hình nghiên cứu [Mục 11, 13 và 14]					
- Tính đầy đủ và cập nhật tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước.	☐	☐	☐	☐	☐
- Tính khoa học và thực tiễn việc luận giải cụ thể hóa mục tiêu và nội dung nghiên cứu đáp ứng yêu cầu của đặt hàng và làm rõ được sự cần thiết phải nghiên cứu.	☐	☐	☐	☐	☐
Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 1:					
2. Nội dung và hoạt động hỗ trợ nghiên cứu [Mục 15, 16]					
- Tính hệ thống, logic, đầy đủ, rõ ràng của các nội dung nghiên cứu	☐	☐	☐	☐	☐
- Tính hợp lý, khả thi của các hoạt động phục vụ nội dung nghiên cứu	☐	☐	☐	☐	☐
Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 2:					
3. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu [Mục 17]					
- Cách tiếp cận đề tài với đối tượng nghiên cứu	☐	☐	☐	☐	☐
- Phương pháp nghiên cứu và kỹ thuật sử dụng phù hợp với đối tượng nghiên cứu	☐	☐	☐	☐	☐
Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 3:					
4. Tính khả thi về kế hoạch và kinh phí thực hiện [Mục 18, 19, 20, phần IV và giải trình các khoản chi của dự toán]					
- Phương án phối hợp các tổ chức, cá nhân trong/ngoài nước và kế hoạch thực hiện	☐	☐	☐	☐	☐
- Tính hợp lý trong việc dự toán kinh phí cho các nội dung nghiên cứu và phù hợp với định mức các khoản chi theo quy định hiện hành	☐	☐	☐	☐	☐
Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 4:					

5. Tính mới của sản phẩm, lợi ích kết quả của đề tài và phương án chuyển giao sản phẩm, kết quả nghiên cứu [Mục 21, 22]	
- Sản phẩm của đề tài đáp ứng theo yêu cầu đặt hàng	☐ ☐ ☐ ☐ ☐
- Hiệu quả khoa học, thực tiễn (Tác động tốt đến xã hội, ngành, lĩnh vực; nâng cao năng lực nghiên cứu của tổ chức, cá nhân, bài báo quốc tế, đào tạo sau đại học)	☐ ☐ ☐ ☐ ☐
- Phương án ứng dụng và chuyển giao cho cơ quan đề xuất đặt hàng, cơ quan (tổ chức) ứng dụng	☐ ☐ ☐ ☐ ☐
Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 5:	
6. Năng lực và kinh nghiệm của tổ chức và cá nhân tham gia [Mục 11 và Hồ sơ năng lực của tổ chức và lý lịch khoa học của cá nhân tham gia]	
- Cơ quan chủ trì đề tài và tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài.	☐ ☐ ☐ ☐ ☐
- Năng lực và thành tích nghiên cứu của chủ trì và của các thành viên tham gia nghiên cứu.	☐ ☐ ☐ ☐ ☐
Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 6:	
Ý kiến đánh giá tổng hợp	☐ ☐ ☐ ☐ ☐

Ghi chú: Điểm nhận xét của chuyên gia theo thang điểm:

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

Kiến nghị của chuyên gia: (đánh dấu X)

☐

1. Đề nghị thực hiện:

1.1 Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng

☐

1.2 Khoán từng phần

☐
☐

2. Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.

☐

3. Không thực hiện (có kết quả đánh giá tổng hợp là “Kém” hoặc “Rất kém”).

Nhận xét, giải thích cho kiến nghị trên:

Ngày.....tháng.....năm 20...
(Chuyên gia đánh giá ký, ghi rõ họ tên)

**PHIẾU NHẬN XÉT
DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM**

Chuyên gia/Ủy viên phản biện	
Ủy viên hội đồng	

Họ và tên chuyên gia:

1. Tên dự án:	
2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì:	
Tên tổ chức:	
Họ và tên cá nhân:	

Tiêu chí nhận xét	Nhận xét của chuyên gia				
	4	3	2	1	0
1. Tổng quan về các vấn đề công nghệ và thị trường của dự án [Mục 12, 13]					
- Mức độ làm rõ được xuất xứ của công nghệ và chứng minh sự cần thiết phải thực hiện dự án.	☐	☐	☐	☐	☐
- Khả năng triển khai và hoàn thiện công nghệ, khả năng tạo ra cơ hội kinh doanh sản xuất của dự án.	☐	☐	☐	☐	☐
Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 1:					
2. Nội dung và phương án triển khai [Mục 14, 15, 16 và phụ lục 8]					
- Mức độ hợp lý của các vấn đề công nghệ mà dự án đề xuất cần giải quyết để đạt được mục tiêu và yêu cầu đặt hàng.	☐	☐	☐	☐	☐
- Tính hợp lý các nội dung cần triển khai thực hiện.	☐	☐	☐	☐	☐
- Tính khả thi của phương án thực hiện.	☐	☐	☐	☐	☐
Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 2:					
3. Tính mới và tính khả thi của công nghệ [Mục 13, 17]					
- Trình độ công nghệ của dự án so với công nghệ trong và ngoài nước.	☐	☐	☐	☐	☐
- Khả năng tạo ra sản phẩm mới từ công nghệ của dự án; Tính khả thi của công nghệ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.	☐	☐	☐	☐	☐
Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 3:					
4. Khả năng phát triển và hiệu quả kinh tế-xã hội dự kiến của dự án [Mục 13.3, 13.5, 18 và phụ lục 9]					

- Làm rõ các thông số của sản phẩm và công nghệ	☐ ☐ ☐ ☐ ☐
- Khả năng cạnh tranh của công nghệ, sản phẩm tạo ra bằng công nghệ của dự án.	☐ ☐ ☐ ☐ ☐
- Khả năng ứng dụng, chuyển giao, nhân rộng, hiệu quả kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng	☐ ☐ ☐ ☐ ☐
Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 4:	
5. Phương án tài chính [Mục 13.4, 16.2, Phần III, các phụ lục từ số 1 đến 7 và văn bản pháp lý cam kết huy động vốn]	
- Phương án huy động vốn ngoài ngân sách SNKH để thực hiện.	☐ ☐ ☐ ☐ ☐
- Sự phù hợp của tổng dự toán và dự toán chi tiết.	☐ ☐ ☐ ☐ ☐
Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 5:	
6. Năng lực thực hiện [Mục 13.4, 16 và Hồ sơ năng lực của tổ chức và lý lịch khoa học của cá nhân tham gia]	
- Năng lực tổ chức, quản lý của chủ trì dự án và các cá nhân tham gia.	☐ ☐ ☐ ☐ ☐
- Điều kiện và năng lực của cơ quan chủ trì và tổ chức phối hợp chính.	☐ ☐ ☐ ☐ ☐
Ý kiến đánh giá tổng hợp	☐ ☐ ☐ ☐ ☐

Ghi chú: Điểm nhận xét của chuyên gia theo thang điểm:

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

Kiến nghị của chuyên gia: (đánh dấu X)

☐

1. Đề nghị thực hiện:

1.1 Khoán đến sản phẩm cuối cùng ☐

1.2 Khoán từng phần ☐

☐

2. Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.

☐

3. Không thực hiện (có kết quả đánh giá tổng hợp là “Kém” hoặc “Rất kém”).

Nhận xét, giải thích cho kiến nghị trên:

Ngày.....tháng.....năm 20...
(Chuyên gia đánh giá kỹ, ghi rõ họ tên)

BỘ CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN
HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN TUYỂN
CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC,
CÁ NHÂN CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ
KH&CN CẤP QUỐC GIA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

PHIẾU ĐÁNH GIÁ
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ

1. Tên đề tài:	
2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì:	
<i>Tên tổ chức:</i>	
<i>Họ và tên cá nhân:</i>	

Tiêu chí đánh giá	Chuyên gia đánh giá					Hệ số	Điểm	Tổng	Điểm tối đa
	4	3	2	1	0				
1. Đánh giá tổng quan [Mục 15, 16]									
- Tính khoa học và thực tiễn trong việc luận giải cụ thể hóa mục tiêu và nội dung nghiên cứu của đề tài đáp ứng được yêu cầu đặt hàng và làm rõ được sự cần thiết phải nghiên cứu	☐	☐	☐	☐	☐	1			8
- Tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước (mức độ phân tích và cập nhật đầy đủ)	☐	☐	☐	☐	☐	1			
2. Nội dung, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng [Mục 17, 18]									
- Các nội dung nghiên cứu phù hợp để đạt được mục tiêu và yêu cầu đặt hàng	☐	☐	☐	☐	☐	3			24
- Phương pháp nghiên cứu phù hợp với các nội dung nghiên cứu đề ra	☐	☐	☐	☐	☐	2			
- Kỹ thuật sử dụng trong nghiên cứu	☐	☐	☐	☐	☐	1			
3. Tính mới, tính đủ của sản phẩm khoa học và công nghệ [Mục 22]									
-Đáp ứng được yêu cầu đặt hàng (định lượng và định tính)	☐	☐	☐	☐	☐	1			16
- Khả thi khi đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ	☐	☐	☐	☐	☐	1			
- Khả năng được công bố trên các tạp chí KH&CN uy tín trong/ngoài nước	☐	☐	☐	☐	☐	1			
- Đào tạo sau đại học	☐	☐	☐	☐	☐	1			

4. Phương án chuyển giao ứng dụng các sản phẩm và phương án tổ chức để triển khai ứng dụng sản phẩm [Mục 23,24, 25]					
- Khả năng thị trường của sản phẩm, công nghệ tạo ra.	☐ ☐ ☐ ☐ ☐	1			16
- Phương án chuyển giao kết quả nghiên cứu cho cơ quan đề xuất đặt hàng (tên, địa chỉ).	☐ ☐ ☐ ☐ ☐	3			
5. Tính khả thi về kế hoạch và kinh phí thực hiện [Mục 19, 20, 21, phần V và giải trình các khoản chi của dự toán]					20
- Tính hợp lý và khả thi của phương án phối hợp và tính hợp lý trong bố trí kế hoạch.	☐ ☐ ☐ ☐ ☐	2			
- Dự toán phù hợp với nội dung, sản phẩm dự kiến tạo ra của đề tài và định mức các khoản chi theo quy định hiện hành.	☐ ☐ ☐ ☐ ☐	3			
6. Năng lực tổ chức và cá nhân tham gia [Hồ sơ năng lực của tổ chức và lý lịch khoa học của cá nhân tham gia]					16
- Cơ quan chủ trì đề tài và tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài (nhân lực và cơ sở trang thiết bị).	☐ ☐ ☐ ☐ ☐	2			
- Năng lực và thành tích nghiên cứu của chủ trì và của các thành viên tham gia nghiên cứu.	☐ ☐ ☐ ☐ ☐	2			
Ý kiến đánh giá tổng hợp		☐ ☐ ☐ ☐ ☐			100

Ghi chú: *Điểm đánh giá của chuyên gia theo thang điểm:*

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

Kiến nghị của chuyên gia: (đánh dấu X)

☐

1. Đề nghị thực hiện:

1.1 Khoản đến sản phẩm cuối cùng ☐

1.2 Khoản từng phần ☐

☐

2. Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.

☐

3. Không thực hiện (có kết quả đánh giá tổng hợp là “Kém” hoặc “Rất kém”).

(Hồ sơ trúng tuyển là hồ sơ có tổng số điểm của các tiêu chí đánh giá lớn hơn 70 điểm)

Nhận xét, kiến nghị:

BỘ CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN
HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN TUYỂN
CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC,
CÁ NHÂN CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ
KH&CN CẤP QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

PHIẾU ĐÁNH GIÁ
ĐỀ TÀI KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN
HOẶC ĐỀ ÁN KHOA HỌC CẤP QUỐC GIA

1. Tên đề tài:											
2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì:											
Tên tổ chức:											
Họ và tên cá nhân:											
Tiêu chí đánh giá	Chuyên gia đánh giá					Hệ số	Điểm	Tổng	Điểm tối đa		
	4	3	2	1	0						
1. Tổng quan tình hình nghiên cứu [Mục 11, 13 và 14]											
- Tính đầy đủ và cập nhật tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước.	☐	☐	☐	☐	☐	1			12		
- Tính khoa học và thực tiễn việc luận giải cụ thể hóa mục tiêu và nội dung nghiên cứu đáp ứng yêu cầu của đặt hàng và làm rõ được sự cần thiết phải nghiên cứu.	☐	☐	☐	☐	☐	2					
2. Nội dung và hoạt động hỗ trợ nghiên cứu [Mục 15, 16]											
- Tính hệ thống, logic, đầy đủ, rõ ràng của các nội dung nghiên cứu	☐	☐	☐	☐	☐	2			12		
- Tính hợp lý, khả thi của các hoạt động phục vụ nội dung nghiên cứu	☐	☐	☐	☐	☐	1					
3. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu [Mục 17]											
- Cách tiếp cận đề tài với đối tượng nghiên cứu	☐	☐	☐	☐	☐	1			12		
- Phương pháp nghiên cứu và kỹ thuật sử dụng phù hợp với đối tượng nghiên cứu	☐	☐	☐	☐	☐	2					
4. Tính khả thi về kế hoạch và kinh phí thực hiện [Mục 18, 19, 20, phần IV và giải trình các khoản chi của dự toán]											
- Phương án phối hợp các tổ chức, cá nhân trong/ngoài nước và kế hoạch thực hiện	☐	☐	☐	☐	☐	2			20		
- Tính hợp lý trong việc dự toán kinh phí cho các nội dung nghiên cứu và phù hợp với định	☐	☐	☐	☐	☐	3					

mức các khoản chi theo quy định hiện hành					
5. Tính mới của sản phẩm, lợi ích kết quả của đề tài và phương án chuyển giao sản phẩm, kết quả nghiên cứu [Mục 21, 22]					
- Sản phẩm của đề tài đáp ứng theo yêu cầu đặt hàng	☐ ☐ ☐ ☐ ☐	2			24
- Hiệu quả khoa học, thực tiễn (Tác động tốt đến xã hội, ngành, lĩnh vực; nâng cao năng lực nghiên cứu của tổ chức, cá nhân, bài báo quốc tế, đào tạo sau đại học)	☐ ☐ ☐ ☐ ☐	2			
- Phương án ứng dụng và chuyển giao cho cơ quan đề xuất đặt hàng, cơ quan tổ chức/ứng dụng	☐ ☐ ☐ ☐ ☐	2			
6. Năng lực và kinh nghiệm của tổ chức và cá nhân tham gia [Mục 11 và Hồ sơ năng lực của tổ chức và lý lịch khoa học của cá nhân tham gia]					
- Cơ quan chủ trì đề tài và tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài.	☐ ☐ ☐ ☐ ☐	2			20
- Năng lực và thành tích nghiên cứu của chủ trì và của các thành viên tham gia nghiên cứu.	☐ ☐ ☐ ☐ ☐	3			
Ý kiến đánh giá tổng hợp	☐ ☐ ☐ ☐ ☐				100

Ghi chú: Điểm đánh giá của chuyên gia theo thang điểm:

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

Kiến nghị của chuyên gia: (đánh dấu X)

☐

1. Đề nghị thực hiện:

1.1 Khoản chi đến sản phẩm cuối cùng

☐

1.2 Khoản từng phần

☐
☐

2. Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.

☐

3. Không thực hiện (có kết quả đánh giá tổng hợp là “Kém” hoặc “Rất kém”).

(Hồ sơ trúng tuyển là hồ sơ có tổng số điểm của các tiêu chí đánh giá lớn hơn 70 điểm)

Nhận xét, kiến nghị:

BỘ CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN
HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN TUYỂN
CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC,
CÁ NHÂN CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ
KH&CN CẤP QUỐC GIA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ
DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM**

1. Tên dự án:	
2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì:	
<i>Tên tổ chức:</i>	
<i>Họ và tên cá nhân:</i>	

Tiêu chí đánh giá	Chuyên gia đánh giá					Hệ số	Điểm	Tổng	Điểm tối đa
	4	3	2	1	0				
1. Tổng quan về các vấn đề công nghệ và thị trường của dự án [Mục 12, 13]						1			8
- Mức độ làm rõ được xuất xứ của công nghệ và chứng minh sự cần thiết phải thực hiện dự án.	☐	☐	☐	☐	☐				
- Khả năng triển khai và hoàn thiện công nghệ, khả năng tạo ra cơ hội kinh doanh sản xuất của dự án.	☐	☐	☐	☐	☐	1			
2. Nội dung và phương án triển khai [Mục 14, 15, 16 và phụ lục 8]						1			24
- Mức độ hợp lý của các vấn đề công nghệ mà dự án đề xuất cần giải quyết để đạt được mục tiêu và yêu cầu đặt hàng.	☐	☐	☐	☐	☐				
- Tính hợp lý các nội dung cần triển khai thực hiện.	☐	☐	☐	☐	☐	2			
- Tính khả thi của phương án thực hiện.	☐	☐	☐	☐	☐	3			
3. Tính mới và tính khả thi của công nghệ [Mục 13, 17]						1			12
- Trình độ công nghệ của dự án so với công nghệ trong và ngoài nước.	☐	☐	☐	☐	☐				
- Khả năng tạo ra sản phẩm mới từ công nghệ của dự án; Tính khả thi của công nghệ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.	☐	☐	☐	☐	☐	2			

4. Khả năng phát triển và hiệu quả kinh tế-xã hội dự kiến của dự án [Mục 13.3, 13.5, 18 và phụ lục 9]					
- Làm rõ các thông số của sản phẩm và công nghệ	☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐	1			16
- Khả năng cạnh tranh của công nghệ, sản phẩm tạo ra bằng công nghệ của dự án.	☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐	1			
- Khả năng ứng dụng, chuyển giao, nhân rộng, hiệu quả kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng	☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐	2			
5. Phương án tài chính [Mục 13.4, 16.2, Phần III, các phụ lục từ số 1 đến 7 và văn bản pháp lý cam kết huy động vốn]					24
- Phương án huy động vốn ngoài ngân sách SNKH để thực hiện.	☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐	3			
- Sự phù hợp của tổng dự toán và dự toán chi tiết.	☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐	3			
6. Năng lực thực hiện [Mục 11, 13.4, 16, Phần III và hồ sơ năng lực của tổ chức và lý lịch khoa học của cá nhân tham gia]					16
- Năng lực tổ chức, quản lý của chủ trì dự án và các cá nhân tham gia.	☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐	2			
- Điều kiện và năng lực của cơ quan chủ trì và tổ chức phối hợp chính.	☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐	2			
Ý kiến đánh giá tổng hợp	☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐				100

Ghi chú: Điểm đánh giá của chuyên gia theo thang điểm:

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

Kiến nghị của chuyên gia: (đánh dấu X)

☐

1. Đề nghị thực hiện:

1.1 Khoản đến sản phẩm cuối cùng ☐

1.2 Khoản từng phần ☐

☐

2. Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.

☐

3. Không thực hiện (có kết quả đánh giá tổng hợp là “Kém” hoặc “Rất kém”).

(Hồ sơ trúng tuyển là hồ sơ có tổng số điểm của các tiêu chí đánh giá lớn hơn 70 điểm)

Nhận xét, kiến nghị:

BỘ CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN
HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN TUYỂN
CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC,
CÁ NHÂN CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ
KH&CN CẤP QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP
TỔ CHỨC CHỦ TRÌ VÀ CÁ NHÂN CHỦ NHIỆM
NHIỆM VỤ KH&CN CẤP QUỐC GIA**

Tên nhiệm vụ:	
Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì:	
Tên tổ chức:	
Họ và tên cá nhân:	

1. Số phiếu phát ra: ☐	2. Số phiếu thu về: ☐
3. Số phiếu hợp lệ: ☐	4. Số phiếu không hợp lệ: ☐

TT	Ủy viên	Tiêu chí đánh giá						Tổng số điểm
		Tiêu chí 1	Tiêu chí 2	Tiêu chí 3	Tiêu chí 4	Tiêu chí 5	Tiêu chí 6	
1	Ủy viên thứ nhất							
2	Ủy viên thứ hai							
3	Ủy viên thứ ba							
4								
5								
6								
7								
8								
9								
	Tổng số điểm trung bình							

Các thành viên ban kiểm phiếu		Trưởng ban kiểm phiếu (Họ, tên và chữ ký)
Thành viên thứ 1 (Họ, tên và chữ ký)	Thành viên thứ 2 (Họ, tên và chữ ký)	

BỘ CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN
HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN TUYỂN
CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC,
CÁ NHÂN CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ
KH&CN CẤP QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

**BẢNG TỔNG HỢP KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP
TỔ CHỨC CHỦ TRÌ VÀ CÁ NHÂN CHỦ NHIỆM
NHIỆM VỤ KH&CN CẤP QUỐC GIA**

Tên nhiệm vụ:

.....
.....

TT	Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì	Tổng số điểm trung bình của các thành viên hội đồng	Ghi chú
1			
2			

Các thành viên ban kiểm phiếu		Trưởng ban kiểm phiếu (Họ, tên và chữ ký)
Thành viên thứ 1 (Họ, tên và chữ ký)	Thành viên thứ 2 (Họ, tên và chữ ký)	

BỘ CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN TUYỂN
CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC,
CÁ NHÂN CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ
KH&CN CẤP QUỐC GIA

....., ngày tháng năm 20...

**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG
ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP
TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN CẤP QUỐC GIA**

A. Thông tin chung

1. Tên đề tài/ dự án SXTN/ đề án:

.....
.....
.....

2. Quyết định thành lập Hội đồng

...../QĐ-BKH&CN ngày/...../20... của Bộ trưởng Bộ.....

3. Địa điểm và thời gian

....., ngày/...../20...

4. Số thành viên hội đồng có mặt trên tổng số thành viên/.....người. Vắng mặt
.....người, gồm các thành viên:

.....
.....

5. Khách mời tham dự họp hội đồng:

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác

6. Hội đồng nhất trí cử Ông/Bà là thư ký khoa học của hội đồng.

B. Nội dung làm việc của hội đồng (ghi chép của thư ký khoa học):

.....
.....
.....

C. Bỏ phiếu đánh giá

1. Hội đồng đã bầu ban kiểm phiếu với các thành viên sau:

- Trưởng ban:
- Hai thành viên:

2. Hội đồng đã bỏ phiếu đánh giá từng hồ sơ đăng ký.

Kết quả kiểm phiếu đánh giá các hồ sơ đăng ký tuyển chọn/giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN trong biên bản kiểm phiếu kèm theo.

3. Kết quả bỏ phiếu

Căn cứ kết quả kiểm phiếu, hội đồng kiến nghị tổ chức, cá nhân sau đây trúng tuyển chủ trì đề tài/dự án SXTN/đề án nêu trên:

Tên tổ chức:

Họ và tên cá nhân:

D. Kết luận, kiến nghị của hội đồng (kiến nghị về các nội dung cần sửa đổi)

1. Kiến nghị phương thức khoán chi:

1.1 Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng

☐

1.2 Khoán chi từng phần

☐

2. Kiến nghị những nội dung cần sửa đổi:

Hội đồng đề nghị Bộ xem xét và quyết định.

THƯ KÝ KHOA HỌC
(Họ, tên và chữ ký)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN

- Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Căn cứ Quyết định số/QĐ..... ngày ... tháng ... năm 20... của Bộ trưởng Bộ về việc thành lập Hội đồng khoa học và công nghệ

....., ngày tháng năm, chúng tôi gồm có:

I/ Bên ủy quyền:

1. Họ và tên: Số điện thoại:
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Học hàm, học vị/Trình độ chuyên môn:
4. Đơn vị công tác:
5. Địa chỉ:
6. Số CMND/Hộ chiếu : Nơi cấp : Ngày cấp :

II/ Bên được ủy quyền:

1. Họ và tên: Số điện thoại:
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Học hàm, học vị/Trình độ chuyên môn:
4. Đơn vị công tác:
5. Địa chỉ:
6. Số CMND/Hộ chiếu : Nơi cấp : Ngày cấp :

III/ Nội dung ủy quyền:

Ủy quyền cho Ông/Bà:..... là Phó Chủ tịch Hội đồng KH&CN làm Chủ tịch Hội đồng KH&CN để tư vấn xét duyệt nhiệm vụ:

.....
.....
.....

IV. Cam kết: Hai bên cam kết sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi thông tin ủy quyền ở trên./.

Bên nhận ủy quyền
(Chữ ký, họ tên)

Bên ủy quyền
(Chữ ký, họ tên)